

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 9 - 2018
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1975. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1973. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Phú Q, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn 2/9, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1912. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1964; trú tại Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2016 và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi về chung sống với nhau chị L và anh B sống chung với bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh B trong nhà của bà N. Đến năm 2016, do anh B nghi ngờ và ghen tuông chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7 năm 2016, anh B đuổi chị L ra khỏi nhà, nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, chị L và anh B không còn tình cảm với nhau, hơn nữa anh B đã chung sống với người phụ nữ khác nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau, chị L và anh B sinh được 02 con chung là Bùi Văn H, sinh năm 1993 nay con đã trưởng thành có gia đình riêng và Bùi Văn V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1999 nay đã đủ 18 tuổi, con ở với ai thì tùy con quyết định.

Về tài sản chung: Quá trình vợ chồng về chung sống với bà Nguyễn Thị N đã tạo dựng được những tài sản gồm: Một ngôi nhà ở cấp bốn có trần ốp gỗ; một ngôi nhà bếp 02 gian; một xái bếp lợp pro xi măng; một nhà tắm, nhà vệ sinh lợp pro xi măng; một chuồng lợn nền lán xi măng; một mái pro xi măng có diện tích 41,4 m²; hai mái tôn có diện tích 99,665 m²; công bê tông có diện tích 168,75 m²; bờ rào lưới B40 có diện tích 8,7 m²; một xe máy Jupiter BKS 37B1 - 789.73; một xe máy Exiter 150 biển kiểm soát 37M1 - 136.36; một xe máy Wawe biển kiểm soát 37Z7 - 3165;

một xe máy Honda không có biển kiểm soát; một điều hòa hiệu LG; một tủ kệ gỗ; một bộ bàn ghế gỗ; một bộ loa, âm ly; một quạt hơi nước; một quạt cây điện cơ; một ti vi LG 21 inch; một bình nước nóng lạnh; một máy giặt Toshiba; một tủ lạnh Panasonic; một máy lọc nước hiệu Kangaru; một bếp ga và bình ga; một tủ đựng đồ nhôm kính; một giàn đựng bát đĩa bằng nhôm và một tivi hiệu Samsung 32 inch .

Nay, chị L yêu cầu chia toàn bộ tài sản trên cho 03 người là chị L, anh B và bà N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Bùi Văn B vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn B trình bày:

Anh Bùi Văn B và chị Phạm Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau chị L và anh B sống chung với bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh B trong nhà của bà N. Đến năm 2016, do chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7 năm 2016, chị L tự dọn đồ ra khỏi nhà nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Văn H, sinh năm 1993 nay con đã trưởng thành có gia đình riêng và Bùi Văn V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1999.

Về tài sản chung: Tài sản là khung nhà ở cấp bốn, khung nhà bếp và một tủ kệ gỗ là tài sản riêng của mẹ đẻ anh B là bà Nguyễn Thị N. Còn tài sản chung của 03 người gồm anh B, chị L và bà N là các tài sản gồm phần sửa chữa nhà cấp bốn, sửa chữa nhà bếp và các tài sản còn lại khác như chị L đã kê khai. Bên cạnh đó tài sản chung của anh Bình, chị L và bà N còn có tiền mặt 80.000.000 đồng và 02 cây vàng hiệu 9999 chị L đã lấy trong két sắt mang đi và hiện nay chị L đang giữ số tài sản này nên đề nghị Tòa án chia các tài sản gồm phần sửa chữa nhà cấp bốn, sửa chữa nhà bếp và các công trình khác trên đất, các tài sản như chị L đã kê khai và số tiền mặt 80.000.000 đồng, hai cây vàng hiệu 9999 cho 03 người gồm anh B, chị L và bà N mỗi người một phần.

Riêng khoản nợ 50.000.000 đồng, anh B vay ông Đỗ Phú Q, chưa có trả nên anh B đã giao cho ông Đỗ Phú Q chiếc xe máy hiệu Exiter 150 biển kiểm soát 37M1 - 136.36 cho ông Q giữ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này và đề nghị Tòa án không đưa chiếc xe máy này vào để chia.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Văn C là người được bà Nguyễn Thị N ủy quyền vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn C trình bày: Tài sản là khung nhà ở cấp bốn, khung nhà bếp và một tủ kệ gỗ là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị N nên đề nghị Tòa án không đưa khung nhà ở cấp bốn, khung nhà bếp và tủ kệ vào chia vì đây là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị N. Còn các tài sản khác gồm phần sửa chữa nhà cấp bốn, sửa chữa nhà bếp và các tài sản khác đề nghị Tòa án chia 03 phần cho bà N, anh B và chị L mỗi người một phần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Phú Q vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Phú Q trình bày: Ông Đỗ Phú Q cho anh Bùi Văn B vay số tiền 50.000.000 đồng, anh B chưa có trả nên đã giao chiếc xe máy hiệu Exiter 150 biển kiểm soát 37M1 - 136.36 cho ông Quyết giữ. Việc vay nợ là do cá nhân anh B đứng vay, không liên quan gì đến chị L, nên anh B có trách nhiệm riêng đối với khoản nợ này nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 212, Điều 219 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 8, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBNVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn B.

- Về tài sản:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị N sở hữu các tài sản sau: Một ngôi nhà ở cấp bốn có trần ốp gỗ trị giá 150.272.000 đồng; một ngôi nhà bếp 2 gian trị giá 32.572.000 đồng; một nhà tắm, nhà vệ sinh lợp pro xi măng trị giá 9.849.000 đồng; một chuồng lợn nền láng xi măng trị giá 6.540.000 đồng; một mái pro xi măng có diện tích 41,4 m² trị giá 4.927.000 đồng; hai mái tôn có diện tích 99,665 m² trị giá 20.110.000 đồng; Công bê tông có diện tích 168,75 m² trị giá 12.605.000 đồng; Bờ rào lưới B40 có diện tích 8,7 m² trị giá 2.349.000 đồng.

(Các công trình này được xây dựng trên thửa đất số 322, tờ bản đồ số 5 tại Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 526749 mang tên Nguyễn Thị N).

Tổng trị giá tài sản bà Nguyễn Thị N được hưởng là 239.224.000 đồng.

Nhưng bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ giao lại cho anh Bùi Bình số tiền chênh lệch về tài sản là 67.874.666 đồng và giao lại cho chị Phạm Thị L số tiền chênh lệch về tài sản là 79.374.666 đồng.

Sau khi giao tiền chênh lệch trị giá về tài sản cho anh Bùi Văn B và chị Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị N được sở hữu trị giá tài sản còn lại là 91.974.666 đồng.

+ Chia cho anh Bùi Văn B sở hữu các tài sản sau: Một xe máy Wave biển kiểm soát 37Z7 - 3165 trị giá 1.300.000 đồng; một điều hòa hiệu LG trị giá 4.000.000 đồng; một tủ kệ gỗ trị giá 7.200.000 đồng; một bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng; một bộ loa, âm ly trị giá 2.000.000 đồng; một quạt hơi nước trị giá 800.000 đồng; một quạt cây điện cơ trị giá 200.000 đồng; một ti vi LG 21 in trị giá 200.000 đồng; một bình nước nóng lạnh trị giá 500.000 đồng; một máy giặt Toshiba trị giá 800.000 đồng; một tủ lạnh Panasonic trị giá 1.000.000 đồng; một máy lọc nước hiệu Kangkaru trị giá 1.000.000 đồng; một bếp ga và bình ga trị giá 400.000 đồng; một tủ đựng đồ nhôm kính trị giá 1.000.000 đồng; một giàn đựng bát đĩa bằng nhôm trị giá 700.000 đồng

Và sở hữu số tiền chênh lệch về tài sản do bà Nguyễn Thị N giao lại là 67.874.666 đồng.

Tổng trị giá tài sản anh Bùi Văn B được sở hữu là 91.974.666 đồng.

+ Chia cho chị Phạm Thị L sở hữu: Một chiếc xe máy 01 xe máy Jupiter biển kiểm soát 37B1 - 789.73 trị giá 12.600.000 đồng và sở hữu số tiền chênh lệch về tài sản do bà Nguyễn Thị N giao lại là 79.374.666 đồng. Tổng cộng trị giá tài sản chị Phạm Thị L được sở hữu là 91.974.666 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 01 năm 2018, bị đơn anh Bùi Văn B kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án: Không đưa ngôi nhà cấp bốn 03 gian và ngôi nhà bếp 02 gian để phân chia vì đó là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị N; anh B không đồng ý với phần định giá tài sản đối với chuồng lợn, mái tôn do không đúng thực tế với

giá hiện hành, chưa tính khấu hao sử dụng và yêu cầu chị Phạm Thị L cùng anh trả cho ông Đỗ Phú Q cả lãi và gốc là 65.000.000 đồng.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại: Không đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản; đề nghị chị Phạm Thị L phải hoàn trả số tiền cả lãi và gốc là 65.000.000 đồng mà chị L đã đứng tên vay của ông Đỗ Phú Q; số tiền của bà là 5.000.000 đồng mà chị Phạm Thị L đã lấy mang đi mà Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn vẫn không đem vào xét xử đã có trong hồ sơ vụ án; Có đơn phát giác việc chị Phạm Thị L mở két lấy tiền 80.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999 là do anh B của chị Phạm Thị L phát hiện chị L lấy trong két ra mà Tòa án vẫn không đem vào xét xử để phân chia tài sản, số tài sản đó do bà và anh B tích góp mới có được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Bùi Văn B và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là ông Bùi Văn C giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Các bên đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung chia tài sản; sửa bản án sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị N vì bà N là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà Nguyễn Thị N vắng mặt và đã ủy quyền cho ông Bùi Văn C tham gia phiên tòa, ông Đỗ Phú Q vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đã xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn B; chia tài sản chung của vợ chồng, chị L và anh B mỗi người được sở hữu tài sản có giá trị 91.974.666 đồng, bà Nguyễn Thị N được sở hữu tài sản có giá trị 239.224.000 đồng và phải trích giao tiền cho chị L và anh Bình. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh B và bà N kháng cáo không đồng ý với việc phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ.

[3] Xét kháng cáo của anh Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị N:

Anh Bùi Văn B và chị Phạm Thị L chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà bà Nguyễn Thị N từ năm 1993. Quá trình chung sống, anh B và chị L đã sửa chữa, xây dựng lại ngôi nhà cũ của bà N bị hư hỏng trở thành ngôi nhà cấp bốn 03 gian và nhà bếp 02 gian như hiện nay. Do vậy nhà ở và nhà bếp hiện nay gia đình bà N, anh Bình, chị L đang sử dụng là tài sản chung của cả 03 người. Anh B kháng cáo cho ngôi nhà và bếp này là tài sản riêng của bà N nhưng không chứng minh được nên không có căn cứ để chấp nhận.

Riêng số tiền mặt 80.000.000 đồng và 02 cây vàng hiệu 9999, anh B khai chị L lấy trong két sắt mang đi, khi chị L lấy đi thì có con trai là Bùi Văn V nhìn thấy. Anh B và bà N kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy rằng chỉ riêng lời khai của cháu Bùi Văn V nói mẹ là chị L lấy tiền vàng mang đi là không đủ cơ sở để xem xét.

Anh B không thống nhất với kết quả định giá đối với chuồng lợn, mái tôn; bà N không đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh B và ông C (người đại diện theo ủy quyền của bà N) đã rút yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử căn cứ kết quả do Hội đồng định giá tiến hành tại cấp sơ thẩm để giải quyết yêu cầu chia tài sản của các bên. Đối với khoản vay 65.000.000 đồng của ông Đỗ Phú Q là khoản vay riêng của anh B với ông Q nhưng chị L và ông Bình đã thỏa thuận gạt nợ cho ông Quyết bằng chiếc xe máy hiệu Exiter 150 nên không có căn cứ để buộc chị L phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Q. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh B và bà N. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về khoản nợ trên có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Bà N và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Văn C cho rằng số tiền của bà là 5.000.000 đồng mà chị Phạm Thị L đã lấy mang đi mà Tòa án nhân dân huyện Anh

Son vẫn không đem vào xét xử đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cũng không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ các tài sản chung của anh Bình, chị L, bà N và xem xét công sức đóng góp của mỗi người để phân chia tài sản như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí cho bà N, xét thấy, bà N sinh năm 1912, năm nay 106 tuổi là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Anh B và chị L phải chịu án phí sơ thẩm; anh B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật, miễn án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm cho bà N.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N; sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

Áp dụng Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 212, Điều 219 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; xử:

- Chia cho bà Nguyễn Thị N sở hữu các tài sản sau: Một ngôi nhà ở cấp bốn có trần ốp gỗ trị giá 150.272.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, hai trăm bảy

mười hai nghìn đồng); một ngôi nhà bếp 2 gian trị giá 32.572.000 đồng (Ba mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng); một nhà tắm, nhà vệ sinh lợp pro xi măng trị giá 9.849.000 đồng (Chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng); một chuồng lợn nền lán xi măng trị giá 6.540.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng); một mái pro xi măng có diện tích 41,4 m² trị giá 4.927.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng); hai mái tôn có diện tích 99,665 m² trị giá 20.110.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm mười nghìn đồng); Cống bê tông có diện tích 168,75 m² trị giá 12.605.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm linh năm nghìn đồng); Bờ rào lưới B40 có diện tích 8,7 m² trị giá 2.349.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

(Các công trình này được xây dựng trên thửa đất số 322, tờ bản đồ số 5 tại Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 526749 mang tên Nguyễn Thị N).

Tổng trị giá tài sản bà Nguyễn Thị N được hưởng là 239.224.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Nhưng bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ giao lại cho anh Bùi Bình số tiền chênh lệch về tài sản là 67.874.666 đồng (Sáu mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) và giao lại cho chị Phạm Thị L số tiền chênh lệch về tài sản là 79.374.666 đồng (Bảy mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Sau khi giao tiền chênh lệch trị giá về tài sản cho anh Bùi Văn B và chị Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị N được sở hữu trị giá tài sản còn lại là 91.974.666 đồng (Chín mươi một triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

- Chia cho anh Bùi Văn B sở hữu các tài sản sau: Một xe máy Wave biển kiểm soát 37Z7 - 3165 trị giá 1.300.000 đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng); một điều hòa hiệu LG trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); một tủ kệ gỗ trị giá 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng); một bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); một bộ loa, âm ly trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); một quạt hơi nước trị giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); một quạt cây điện cơ trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); một ti vi LG 21 in trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); một bình nước nóng lạnh trị giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); một máy giặt Toshiba trị giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); một tủ lạnh Panasonic trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); một máy lọc nước hiệu

Kangkaru trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); một bếp ga và bình ga trị giá 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng); một tủ đựng đồ nhôm kính trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); một giàn đựng bát đĩa bằng nhôm trị giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Và sở hữu số tiền chênh lệch về tài sản do bà Nguyễn Thị N giao lại là 67.874.666 đồng (Sáu mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng trị giá tài sản anh Bùi Văn B được sở hữu là 91.974.666 đồng (Chín mươi một triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Chia cho chị Phạm Thị L sở hữu: Một chiếc xe máy 01 xe máy Jupiter biển kiểm soát 37B1 - 789.73 trị giá 12.600.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng) và sở hữu số tiền chênh lệch về tài sản do bà Nguyễn Thị N giao lại là 79.374.666 đồng (Bảy mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng cộng trị giá tài sản chị Phạm Thị L được sở hữu là 91.974.666 đồng (Chín mươi một triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn B mỗi người phải chịu 4.598.733 đồng (Bốn triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) án phí sơ thẩm. Miễn án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Bùi Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002118 ngày 06 tháng 02 năm 2018. Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Anh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Anh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Sơn

